

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST

Ngày 20/3/2020

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ong Thân Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chiến - Cán bộ hưu.

Ông Nguyễn Hoàng Tâm- Cán bộ hưu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Sơn- Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 20/3/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 141/2019/TLST-HNGĐ ngày 09/12/2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/01/2020, quyết định hoãn phiên tòa số 08/QĐ-ST ngày 21/02/2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1995.

ĐKHKTT: Thôn A, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ cư trú hiện nay: Thôn N, xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Vắng mặt tại phiên tòa. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

***Bị đơn:** Anh Vũ Xuân H, sinh năm 1987.

ĐKHKTT: Thôn A, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang lao động tại nước ngoài, không rõ địa chỉ. Vắng mặt.

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Vũ Tiến Đ, sinh năm 1961.

2. Bà Trần Thị K, sinh năm 1962.

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Vắng mặt tại phiên tòa. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ngọc L trình bày:*

- Về quan hệ vợ chồng: Tôi và anh Vũ Xuân H kết hôn ngày 12/11/2014 tại UBND xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn chúng tôi được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính cách không hợp nhau, không hiểu và chia sẻ với nhau trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau. Tháng 4/2017 anh H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan mà không thông báo cho tôi biết. Tôi biết sự việc qua gia đình chồng, hiện nay anh H vẫn lao động ở Đài Loan, vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình nhưng không liên lạc với tôi. Tôi đã xin địa chỉ của anh H ở nước ngoài nhưng gia đình không cung cấp nên không có để cung cấp cho Tòa án. Nay tôi xác định tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Vũ Xuân H.

- Về con chung : Vợ chồng có 01 con chung là cháu Vũ Minh N, sinh ngày 13/10/2015. Hiện cháu đang ở với ông bà nội. Ly hôn tôi đồng ý để cháu N cho anh H và ông bà nội chăm sóc nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh Vũ Xuân H đang lao động ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ cụ thể. Tòa án đã niêm yết văn bản tố tụng đồng thời giao văn bản tố tụng cho bố, mẹ đẻ của anh H là ông Vũ Tiến Đ, bà Trần Thị K nhận thay và thông báo cho anh Vũ Xuân H biết thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

* Tại các biên bản làm việc với Tòa án, ông Vũ Tiến Đ, bà Trần Thị K trình bày: Anh Vũ Xuân H là con trai của ông bà, gia đình đã nhận Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và thông báo cho anh H được biết. Quan điểm của anh H trao đổi với gia đình về việc chị L xin ly hôn là: Anh H đồng ý ly hôn với chị L. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Vũ Minh N, sinh ngày 13/10/2015, cháu đang ở với vợ chồng tôi là ông bà nội từ khi được 9 tháng tuổi đến nay. Ly hôn anh H đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu N cho anh H nuôi, anh H vẫn thường xuyên gửi tiền về để vợ chồng tôi trông nom nuôi dưỡng cháu N trong thời gian anh đi lao động ở nước ngoài. Hiện cháu N ở với chúng tôi ổn định, phát triển khỏe mạnh, bình thường. Do đang lao động tại Đài Loan không về nước được nên anh H đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Ngoài ra ông Vũ Tiến Đ, bà Trần Thị K có quan điểm trình bày: Hiện nay anh H đang đi lao động tại nước ngoài nhưng vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình qua điện thoại, mạng xã hội Zalo. Về địa chỉ của anh H ở nước ngoài thì gia đình không cung cấp cho Tòa án và không đồng ý thực hiện yêu cầu của Tòa án về việc Thông báo cho anh H gửi lời khai về cho Tòa án, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Nếu Tòa án giải quyết cho chị L, anh H ly hôn thì ông bà đề nghị Tòa án giao cháu N cho anh H và ông bà nội tiếp tục nuôi dưỡng vì cháu ở với ông bà từ lúc 09 tháng tuổi đến nay. Gia đình ông bà vẫn quan tâm, chăm sóc tạo điều kiện để cháu ổn định cuộc sống. Ông, bà đồng ý tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Do điều kiện công việc nhà xa, tuổi cao nên ông bà xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Nguyễn Thị Ngọc L, anh Vũ Xuân H, ông Vũ Tiến Đ, bà Trần Thị K vắng mặt. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xét thấy tình trạng mâu thuẫn của đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) giải quyết cho chị L được ly hôn anh H. Về con chung: Giao con chung là cháu Vũ Minh N, sinh ngày 13/10/2015 cho anh Vũ Xuân H nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: các đương sự không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về chi phí tố tụng: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Ngọc L là công dân Việt Nam, hiện đang sinh sống tại Việt Nam có đơn xin ly hôn anh Vũ Xuân H là công dân Việt Nam, đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang nhưng đang lao động, cư trú tại nước ngoài (theo gia đình cung cấp là ở Đài Loan). Chị L yêu cầu giải quyết về nuôi con chung khi ly hôn. Căn cứ công văn số: 16794/QLXNC-P5 ngày 17/10/2019 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thì anh Vũ Xuân H đã xuất cảnh ra nước ngoài ngày

09/4/2017, chưa thấy nhập cảnh về Việt Nam. Cục quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công an không có căn cứ cung cấp địa chỉ của anh H ở nước ngoài do công dân không phải khai báo nước đến. Từ các nội dung trên, HĐXX xác định: về quan hệ pháp luật đây là vụ án “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1, Điều 28- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; về thẩm quyền: do có đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Ngọc L, ông Vũ Tiến Đ, bà Trần Thị K vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Vũ Xuân H vắng mặt không có lý do. Căn cứ theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ thì đây được coi là trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã niêm yết tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho anh Vũ Xuân H theo quy định tại Điều 177, Điều 179 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. HĐXX thấy việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng quá trình giải quyết vụ án. Các đương sự khác vắng mặt tại phiên tòa nhưng có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1, Điều 227; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 1, khoản 3, Điều 228; Điều 474; điểm a, khoản 5, Điều 477 - Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Vũ Xuân H và các đương sự khác.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

[3.1]. Chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Vũ Xuân H kết hôn ngày 12/11/2014 tại UBND xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn có tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính cách không hợp nhau, không hiểu và chia sẻ với nhau trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau. Tháng 4/2017 anh H đi xuất khẩu lao động, anh H vẫn lao động ở Đài Loan, vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình nhưng không liên lạc với chị L. Nay chị L xác định tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Xuân H.

[3.2]. Hội đồng xét xử thấy: từ cuối năm 2015 đến nay thì chị L, anh H đã phát sinh mâu thuẫn và vợ chồng sống ly thân với nhau từ tháng 4/2017 đến nay. Giữa chị L và anh H không còn liên lạc, quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nữa. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng cả chị L và anh H đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Thông qua ông Đ, bà K là bố, mẹ đẻ, anh H có quan điểm đồng ý ly hôn với chị L. Như vậy,

tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Nguyễn Thị Ngọc L được ly hôn anh Vũ Xuân H.

[4]. Về con chung:

[4.1]. Chị Nguyễn Thị Ngọc L, anh Vũ Xuân H có 01 con chung là cháu Vũ Minh N, sinh ngày 13/10/2015, cháu đang ở với ông bà nội từ khi được 9 tháng tuổi đến nay. Thông qua ông Đ, bà K, anh H đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu N cho anh H nuôi. Cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Đ, bà K có quan điểm đề nghị Tòa án giao cháu N cho anh H và ông bà được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng.

[4.2]. HĐXX thấy: Các đương sự đều có quan điểm thống nhất về việc giao con chung là cháu N cho anh H nuôi. Qua lời khai của các đương sự và nội dung xác nhận của chính quyền địa phương nơi ông Đ, bà K sinh sống thấy cháu Vũ Minh N ở với ông Đ, bà K (ông bà nội) từ khi mới 09 tháng tuổi cho đến nay. Cháu N có cuộc sống ổn định, phát triển khỏe mạnh bình thường. Anh H cũng thường xuyên gửi tiền về để bố mẹ nuôi dưỡng con. Chị L cũng đồng ý giao con chung là cháu N cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng, đồng ý để ông bà nội thay mặt anh H nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N. Việc ông Đ, bà K nhận trách nhiệm quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu nội là Vũ Minh N cũng phù hợp theo quy định của Điều 104- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần được chấp nhận. Vì vậy để ổn định cuộc sống, tránh xáo trộn, đảm bảo quyền lợi của con chung cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Vũ Minh N, sinh ngày 13/10/2015 cho anh Vũ Xuân H nuôi dưỡng. Các đương sự không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không giải quyết. Sau này nếu có yêu cầu có thể khởi kiện bằng vụ án khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Các đương sự có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 84- Luật Hôn nhân và gia đình.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: chị L, anh H không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp thì có thể khởi kiện bằng vụ án khác.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị L phải chịu 300.000 đồng án phí

ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 104; khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; Điều 471; khoản 4, Điều 147; Điều 177; Điều 179; khoản 1 và điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 1, khoản 3, Điều 228; điểm b, khoản 1, Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 474; điểm a, khoản 5, Điều 477; khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Ngọc L được ly hôn anh Vũ Xuân H.

2. Về nuôi dưỡng con chung: Giao con chung là Vũ Minh N, sinh ngày 13/10/2015 cho anh Vũ Xuân H được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Sau này nếu có yêu cầu có thể khởi kiện bằng vụ án khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Các đương sự có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 84- Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: chị Nguyễn Thị Ngọc L, anh Vũ Xuân H không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp thì có thể khởi kiện bằng vụ án khác.

4. Về án phí sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Ngọc L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2018/0000507 ngày 06/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Nguyễn Thị Ngọc L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

- Các đương sự cư trú tại Việt Nam (chị Nguyễn Thị Ngọc L, ông Vũ Tiến Đ, bà Trần Thị K), không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Đương sự cư trú tại nước ngoài (anh Vũ Xuân H) không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9- Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30- Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Q, huyện L;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Ong Thân Thắng